

TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

Cao Bằng, ngày 03 tháng 12 năm 2019

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 61 (Nguyễn Bình)

Môn: Phần III.2. Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính và nhà nước

Ngày thi: 11/11/2019

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Đinh Văn Ân	7.75	Bảy phẩy bảy năm	36	Lương Văn Minh	8.00	Tám
2	Nông Thị Banh	7.25	Bảy phẩy hai năm	37	Ngô Văn Mùi	7.25	Bảy phẩy hai năm
3	Đinh Vĩnh Bắc	8.00	Tám	38	Hoàng Văn Nam	7.50	Bảy phẩy năm
4	Chu Thị Bích	8.00	Tám	39	Lục Sành Nân	8.00	Tám
5	Bàn Mùi Chải	7.50	Bảy phẩy năm	40	Nông Văn Nguyên	7.25	Bảy phẩy hai năm
6	Hoàng Quốc Chấn	8.00	Tám	41	Lương Thị Ngư	8.00	Tám
7	Lý Văn Châu	7.75	Bảy phẩy bảy năm	42	Mã Thị Linh Nhâm	8.25	Tám phẩy hai năm
8	Hoàng Chàn Chiu	7.75	Bảy phẩy bảy năm	43	Lý Hữu Nhất	8.00	Tám
9	Triệu Tồn Chuông	7.00	Bảy	44	Lý Văn Nhị	7.00	Bảy
10	Hà Văn Dương	8.00	Tám	45	Hà Phạm Nhơn	7.75	Bảy phẩy bảy năm
11	Hà Thị Điệp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	46	Hoàng Chàn Páo	6.50	Sáu phẩy năm
12	Hà Văn Đình	7.50	Bảy phẩy năm	47	Hầu Thị Phong	6.75	Sáu phẩy bảy năm
13	Ma Thị Gấm	7.50	Bảy phẩy năm	48	Tô Đình Phong	6.00	Sáu
14	Đặng Thu Hà	7.75	Bảy phẩy bảy năm	49	Trần Thị Phương	8.00	Tám
15	Chu Thanh Hải	8.00	Tám	50	Đinh Thị Phượng	8.00	Tám
16	Lục Thị Minh Hạnh	8.25	Tám phẩy hai năm	51	Hoàng Thị Quế	8.25	Tám phẩy hai năm
17	Cung Lệ Hằng	8.00	Tám	52	Đặng Văn Quyên	7.00	Bảy
18	Nông Thị Hiệp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	53	Nguyễn Thị Sáu	8.25	Tám phẩy hai năm
19	Dịch Trung Hiếu	7.75	Bảy phẩy bảy năm	54	Đặng Văn Sơn	7.25	Bảy phẩy hai năm
20	Lương Thanh Hiếu	7.25	Bảy phẩy hai năm	55	Hoàng Chàn Sơn	6.50	Sáu phẩy năm
21	Hoàng Thị Như Hoa	7.25	Bảy phẩy hai năm	56	Hoàng Đức Sơn	7.75	Bảy phẩy bảy năm
22	Mã Thị Hợp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	57	Hà Hữu Thạch	7.50	Bảy phẩy năm
23	Lãnh Thị Huế	7.50	Bảy phẩy năm	58	Đặng Hữu Thanh	6.50	Sáu phẩy năm
24	Lý Thị Thanh Huyền	7.75	Bảy phẩy bảy năm	59	Bàn Thị Thắm	8.00	Tám
25	Đặng Thúy Hương	7.75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lý Dương Thế	7.25	Bảy phẩy hai năm
26	Bàn Tuấn Khánh	7.75	Bảy phẩy bảy năm	61	Hà Thị Ngọc Thoan	7.00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
27	Lục Quốc Khánh	8.25	Tám phẩy hai năm	62	Triệu Văn Thuận	7.50	Bảy phẩy năm
28	Phùng Tồn Khe	7.75	Bảy phẩy bảy năm	63	Nông Thị Tiếp	7.50	Bảy phẩy năm
29	Đình Phương Lan	8.25	Bảy	64	Phùng Văn Trinh	7.25	Bảy phẩy hai năm
30	Hoàng Thị Lâm	7.75	Bảy phẩy bảy năm	65	Bé Ích Trung	7.00	Bảy
31	Đoàn Ngọc Linh	7.00	Bảy	66	Đặng Quang Trung	7.50	Bảy phẩy năm
32	Chu Văn Lợi	7.75	Bảy phẩy bảy năm	67	Chu Văn Trường	7.00	Bảy
33	Bàn Phụ Lý	7.00	Bảy	68	Lục Thị Tuyên	8.00	Tám
34	Hoàng Thị Mai	7.50	Bảy phẩy năm	69	Hoàng Kim Tuyền	7.50	Bảy phẩy năm
35	Lý Thị Mai	8.00	Tám	70	Bàn Thị Viện	8.00	Tám

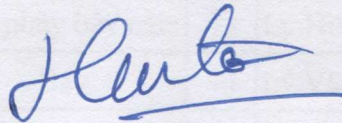
Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,50: 03; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,25: 08 điểm; Điểm 7,50: 11 điểm; Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 16điểm/.

GHI ĐIỂM



Hà Huyền Nga

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Việt Hưng

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Ánh Hoa